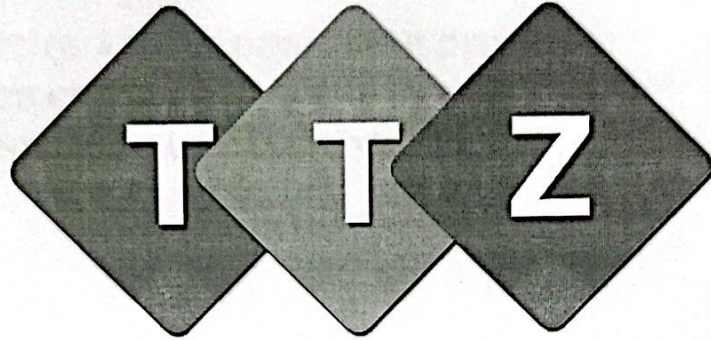


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM 2022

Thái Bình, tháng 02 năm 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 09
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10 - 12
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	13 - 16
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	17 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đệ trình báo cáo này của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2022 đến 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Trung Hiếu	Chủ tịch
Ông Hoàng Anh Quyết	Thành viên
Ông Yang Xiao Dong	Thành viên
Ông Lê Minh Diện	Thành viên
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Anh Quyết	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Út	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

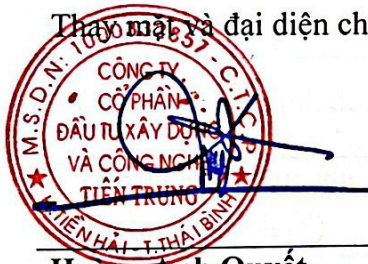


- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Hoàng Anh Quyết

Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 15 tháng 02 năm 2023.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2022)	Số đầu kỳ (01/01/2022)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.099.519.698	26.901.287.908
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		436.351.946	20.834.832
1. Tiền	111		436.351.946	20.834.832
2. Các khoản tương đương tiền	112			-
IV. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			-
1. Chứng khoán kinh doanh	121			-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			-
IVI. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.907.607.158	20.277.325.852
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		24.515.147.845	23.723.325.159
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		95.000.000	183.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế	134			

Báo cáo tài chính Quý IV năm 2022.



Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Thái Bình

Điện thoại: 036 3823 162 - website: www.tientrung.vn

hoạch hợp đồng xây dựng				-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		400	693
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3.702.541.087)	(3.629.000.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			-
IV. Hàng tồn kho	140		8.505.664.490	6.596.573.382
1. Hàng tồn kho	141		8.505.664.490	6.596.573.382
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		249.896.104	6.553.842
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		218.445.485	793.336
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.450.619	5.760.506
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.837.704.255	52.634.273.037
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.000.000.000	9.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách	211		-	-

Báo cáo tài chính Quý IV năm 2022.

5 | Page



Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Thái Bình

Điện thoại: 036 3823 162 - website: www.tientrung.vn

hang				-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		9.000.000.000	9.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
IV. Tài sản cố định	220		447.186.499	1.035.133.611
1. Tài sản cố định hữu hình	221		447.186.499	1.035.133.611
- Nguyên giá	222		7.076.419.382	7.076.419.382
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6.629.232.883)	(6.041.285.771)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			-
- Nguyên giá	225			-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			-
3. Tài sản cố định vô hình	227			-
- Nguyên giá	228			-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			-

Báo cáo tài chính Quý IV năm 2022.

6 | Page



				-
IVI. Bất động sản đầu tư	230			-
- Nguyên giá	231			-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.500.000.000	10.500.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.500.000.000	10.500.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		27.890.517.756	32.099.139.426
1. Đầu tư vào công ty con	251		33.712.692.943	33.712.692.943
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		150.000.000	150.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(5.822.175.187)	(1.613.553.517)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			-
VI. Tài sản dài hạn khác	260			-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng	263			



thay thế dài hạn				-
4. Tài sản dài hạn khác	268			-
5. Lợi thế thương mại	269			-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		77.937.223.953	79.535.560.945
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		11.446.974.021	9.821.682.195
I. Nợ ngắn hạn	310		11.446.974.021	9.821.682.195
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		3.478.292.080	4.202.631.752
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		800.000.001	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		1.893.881.940	279.050.443
4. Phải trả người lao động	314			
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		160.000.000	160.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.400.000.000	1.400.000.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		3.714.800.000	3.780.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			-



12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
IV. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-



13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.490.249.932	69.713.878.750
I. Vốn chủ sở hữu	410		66.490.249.932	69.713.878.750
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		75.704.440.000	75.704.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		75.704.440.000	75.704.440.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(9.214.190.068)	(5.990.561.250)



Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Thái Bình

Điện thoại: 036 3823 162 - website: www.tientrung.vn

- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(5.990.561.250)	(7.192.486.847)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.223.628.818)	1.201.925.597
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			-
IV. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-
1. Nguồn kinh phí	431			-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành thành TSCĐ	432			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		77.937.223.953	79.535.560.945

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Trang
Lê Thị Trang

Lê Thị Út



Báo cáo tài chính Quý IV năm 2022.

11 | Page



Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung
Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Thái Bình
Điện thoại: 036 3823 162 - website: www.tientrung.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Quý 4 Năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Q4-2022	Q4-2021	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		123.424.605	947.097.653	493.698.420	22.307.418.965
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		123.424.605	947.097.653	493.698.420	22.307.418.965
4. Giá vốn hàng bán	11		28.672.928	917.928.247	324.045.776	20.666.609.074
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		94.751.677	29.169.406	169.652.644	1.640.809.891
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		442	1.442	4.867	5.894

Báo cáo tài chính Quý IV năm 2022.



Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Thái Bình

Điện thoại: 036 3823 162 - website: www.tientrung.vn

7. Chi phí tài chính	22	-	-	4.208.621.670	(481.804.229)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			-	74.667
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			-	
9. Chi phí bán hàng	25	38.475.807	58.475.175	213.901.332	233.900.700
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	479.874.389	1.336.623.804	967.990.529	912.270.000
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (25+26)}	30	(423.598.077)	(1.365.928.131)	(5.220.856.020)	976.449.314
12. Thu nhập khác	31	2.000.000.000	300	2.000.000.000	279.721.046
13. Chi phí khác	32	-	401.082	2.772.798	54.245.063
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	2.000.000.000	(400.782)	1.997.227.202	225.475.983
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	1.576.401.923	(1.366.328.913)	(3.223.628.818)	1.201.925.297
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	-	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-



Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Thái Bình

Điện thoại: 036 3823 162 - website: www.tientrung.vn

18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		1.576.401.923	(1.366.328.913)	(3.223.628.818)	1.201.925.297
--	----	--	---------------	-----------------	-----------------	---------------

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trang

Lê Thị Trang

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ưt

Lê Thị Ưt

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2023



Hồng Anh Quyết



LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) (*)
Quý 4 Năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay từ đầu năm đến quý này	Năm trước từ đầu năm đến quý này
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3.223.628.818)	1.201.925.597
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		587.947.112	868.567.834
- Các khoản dự phòng	03		4.282.162.757	(244.161.942)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			(5.894)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			74.667
- Chi phí lãi vay	06			-
- Các khoản điều chỉnh khác	07			-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.646.481.051)	1.826.400.262
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(578.599.918)	(17.562.475.691)

Báo cáo tài chính Quý IV năm 2022.

15 | Page



- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.909.091.108)	16.547.469.818
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.539.579.238	1.036.645.395
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(217.652.149)	917.803
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(74.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		480.717.114	1.848.882.920
IV. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(165.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24			-



đơn vị khác				
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			5.894
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	(164.994.106)
IVI. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền thu từ đi vay	33		114.800.000	1.010.739.249
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(180.000.000)	(2.695.740.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(65.200.000)	(1.685.000.751)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		415.517.114	(1.111.937)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.834.832	21.946.769
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61			-



Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, Thái Bình

Điện thoại: 036 3823 162 - website: www.tientrung.vn

tệ				
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		436.351.946	20.834.832

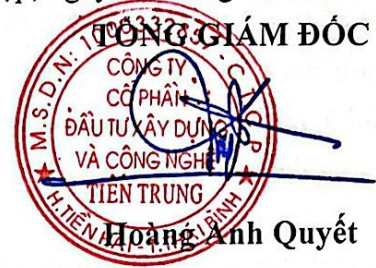
Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trang
Lê Thị Trang

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Lê Thị Út



Báo cáo tài chính Quý IV năm 2022.

18 | Page



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiên Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 03/12/2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 10 ngày 03/12/2018 là 75.704.440.000 đồng tương ứng với 7.570.444 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 4 người).

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con/công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình	Hòa Bình	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất gạch

Ngành nghề kinh doanh chính

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất bộ đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rã, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự



nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát... sản xuất đá xây dựng;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong kỳ này, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty, Ban Giám đốc Công ty đánh giá. Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong năm này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán



Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư nợ phải thu tại ngày 31/12/2022 và có khoản phải thu cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm sử dụng</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	9 – 15
Máy móc thiết bị	11 – 12
Phương tiện vận tải	8 – 10

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền chi mua máy tính, máy in và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.



Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng (nếu có và lãi suất tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế



Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	435.412.762	17.966.347
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	939.184	2.868.485
	436.351.946	20.834.832

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Công ty TNHH ô tô và thiết bị Thiên Trường Long	3.629.000.000	3.629.000.000
- Công ty cổ phần HT Group Hòa Bình	245.136.957	245.136.957
- Công ty cổ phần công nghệ phân bón organic Vietjoy Farm Việt Nam	-	1.510.162.557
- Công ty TNHH MTV Tiên Trung Hòa Bình	20.641.010.888	18.339.025.645
	24.515.147.845	23.723.325.159

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Trả trước người bán khác	95.000.000	183.000.000
	95.000.000	183.000.000

Báo cáo tài chính Quý IV năm 2022.



8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VNĐ	VNĐ
- Quyền sử dụng đất (*)	10.500.000.000	10.500.000.000
	10.500.000.000	10.500.000.000

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung mua lại quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu Hạnh tại đồi Khạo, xóm Khuộc, xã Cao Rằm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình và đang tiến hành thủ tục sang tên chủ sở hữu.

(*) Khoản tiền cọc theo hợp đồng giữ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung với ông Nguyễn Hữu Hạnh nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất lô số BL524975 với diện tích 20.808m² tại đồi Khạo, xóm Khuộc, xã Cao Rằm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo HĐ công chứng số 554/QS 02/2020/TP/CC-SCC/HĐGD với hộ gia đình ông Nguyễn Hữu Hạnh, giá trị chuyển nhượng là 10.500.000.000 đồng.

9. PHẢI THU KHÁC

a. Phải thu ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VNĐ	VNĐ
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	400	693
	400	693

b. Phải thu dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VNĐ	VNĐ
Phải thu hợp tác đầu tư dự án (*)	9.000.000.000	9.000.000.000
	9.000.000.000	9.000.000.000



(*) Số dư phải thu dài hạn khác là khoản tiền góp vốn hợp tác thực hiện dự án “Khai thác thăm dò chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường” trên diện tích 7.1 ha tại Xóm Rụt, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 70.000.000.000 đồng, thời gian thực hiện 23 năm. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ký với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình, công ty sẽ góp tiền 9.000.000.000 đồng tương đương 13% tổng giá trị vốn đầu tư dự kiến của dự án. Năm 2018, công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình đã xin dừng triển khai dự án. Tháng 2/2019, dự án được cấp phép lại cho Công ty cổ phần HT Group Hòa Bình. Nghị quyết HĐQT ngày 18/08/2020 đã quyết định việc chuyển nhượng Hợp tác kinh doanh này từ công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình sang Công ty cổ phần HT Group Hòa Bình. Ngày 25/08/2020, công ty đã ký thảo thuận 3 bên với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình và Công ty Cổ phần HT Group Hòa Bình về vấn đề này.

Ngày 26/08/2019 công ty cổ phần HT Group đã được UBND tỉnh Hòa Bình cấp giấy phép thăm dò khoáng sản số 56/GP-UBND theo đó công ty được thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Xóm Rụt, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Đến ngày 19/10/2020, UBND tỉnh Hòa Bình đã ban hành quyết định số 2507/QQD-UBND về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi trong Báo cáo kết quả thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại Xóm Rụt, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với tổng trữ lượng 5.868.688 m³.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022	01/01/2022
	VNĐ	VNĐ
- Hàng hóa	628.004.661	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	7.877.659.829	6.596.573.382
	8.505.664.490	6.596.573.382

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ gồm 2 dự án:

- Chi phí san lấp mặt bằng tại xóm Rụt, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Hợp đồng san lấp mặt bằng với công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình ngày 01/01/2018. Dự án này được chuyển đổi chủ đầu tư sang Công ty cổ phần HT Group Hòa Bình. Tháng 3/2021, công ty đã thực hiện nghiệm thu khối lượng thực hiện với chủ đầu tư và đang tiến hành thủ tục tiếp theo để nghiệm thu, thanh lý hợp đồng. Số dư tính tới thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 là 3.921.247.764 đồng.



- Chi phí xây dựng nhà máy phân bón tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo hợp đồng thi công với Công ty cổ phần Công nghệ Phân bón Organic Viejoy Farm Việt Nam. Số dư tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 là 3.956.412.065 đồng

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện, vận tải VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2022	-	3.155.757.576	3.920.661.806	7.076.419.382
Mua trong năm	-	-	-	-
Điều chỉnh tăng, giảm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	-	3.155.757.576	3.920.661.806	7.076.419.382
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Tại ngày 01/01/2022	-	2.845.995.943	3.195.289.828	6.041.285.771
Khấu hao trong kỳ	-	156.709.944	431.237.168	587.947.112
Điều chỉnh tăng, giảm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	-	3.002.705.887	3.626.526.996	6.629.232.883
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
				-

Báo cáo tài chính Quý IV năm 2022.



Tại ngày				
01/01/2022	-	309.761.633	725.371.978	1.035.133.611
Tại ngày				
31/12/2022	-	153.051.689	294.134.810	447.186.499

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Đầu tư vào công ty con	33.712.692.943	(1.613.553.517)	33.712.692.943	(1.613.553.517)
Công ty TNHH MTV Tiên Trung Hòa Bình (1)	33.712.692.943	(5.822.175.187)	33.712.692.943	(1.613.553.517)
	33.712.692.943	(5.822.175.187)	33.712.692.943	(1.613.553.517)

Ghi chú: Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con.

Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5400411211 ngày 19/09/2012, thay đổi lần đầu ngày 23/10/2015. Công ty trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án Nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000413 ngày 10/06/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình. Trong năm, nhà máy chưa xây dựng hoàn thành toàn bộ các hạng mục đầu tư nhưng đã đưa vào vận hành từng phần để sản xuất và bán gạch.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VNĐ	VNĐ
- Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Thịnh Gia Phát	-	2.000.000.000



- CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG TÂY HÀ	594.404.820	594.404.820
- Công ty cổ phần công nghệ phân bón organic Vietjoy Farm Việt Nam	781.017.776	781.017.776
- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG - FACCO	2.030.868.362	788.535.000
- Các khoản phải trả khác	72.001.122	38.674.156
	3.478.292.080	4.202.631.752

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VNĐ	VNĐ
- Thuế GTGT	1.752.119.002	137.287.505
- Thuế TNDN		
- Thuế và các loại phí khác	141.762.938	141.762.938
- Thuế TNCN		
	1.893.881.940	279.050.443

15. VAY NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2022	01/01/2022
	VNĐ	VNĐ
- Trịnh Thị Anh	-	180.000.000
- Hoàng Anh Quyết	3.714.800.000	3.600.000.000
	3.714.800.000	3.780.000.000

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Cộng VNĐ
Số dư ngày 01/01/2022	<u>75.704.440.000</u>	<u>(5.990.561.250)</u>	<u>69.713.878.750</u>
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-



- Lãi kinh doanh	-	(3.223.628.818)	(3.223.628.818)
- Tăng khác	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2022		<u>(9.214.190.068)</u>	<u>66.490.249.932</u>

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý IV/2022	Quý IV/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	123.424.605	947.097.653
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
	<u>123.424.605</u>	<u>947.097.653</u>

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý IV/2022	Quý IV/2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	28.672.928	917.928.247
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
	<u>28.672.928</u>	<u>917.928.247</u>

19. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Quý IV/2022	Quý IV/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi tiền cho vay	442	1.442
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	-
	<u>442</u>	<u>1.442</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý IV/2022	Quý IV/2021
	VND	VND
Chi phí tài chính	-	-
	-	-
	=	=

Báo cáo tài chính Quý IV năm 2022.



21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý IV/2022 VNĐ	Quý IV/2021 VNĐ
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	479.874.389	1.336.623.804
Chi phí nhân viên		
Chi phí vật liệu quản lý		
Chi phí dụng cụ văn phòng		
Chi phí khấu hao tài sản cố định		
Chi phí thuê, phí, lệ phí		
Chi phí dự phòng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi		
Chi phí quản lý khác		
Chi phí bán hàng	38.475.807	58.475.175
Chi phí xăng dầu		
Chi phí nhân viên		
Chi phí khấu hao tài sản cố định		
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
	<u>518.350.196</u>	<u>1.395.098.979</u>

22. CHI PHÍ KHÁC

	Quý IV/2022 VNĐ	Quý IV/2021 VNĐ
Giá trị còn lại của TSCĐ		
Các khoản chi phí khác	-	401.082
	-	<u>401.082</u>

23. THU NHẬP KHÁC

	Quý IV/2022 VNĐ	Quý IV/2021 VNĐ
Giá trị còn lại của TSCĐ		
Các khoản chi phí khác	2.000.000.000	300
	<u>2.000.000.000</u>	<u>300</u>



24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý IV/2022 VNĐ	Quý IV/2021 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.576.401.923	(1.366.328.913)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.576.401.923	(1.366.328.913)
Thuế suất	-	-
Thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế thu nhập Doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành	1.576.401.923	(1.366.328.913)

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty không phát sinh sự kiện sau ngày khóa sổ nào có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính Quý IV/2022 của Công ty.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm trước liền kề.

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trang
Trang

Lê Thị Út
 Lê Thị Út



Báo cáo tài chính Quý IV năm 2022.